

Bản án số: 102/2021/HS-ST
Ngày 06 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tuấn, chức vụ: Bí thư đoàn xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Ông Dương Viết Vĩnh, chức vụ: Nguyên Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Đàm Hoàng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2021/TLST-HS, ngày 02 tháng 7 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên **Lê Văn T**, sinh ngày 07/9/2001.

Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Xuân N, sinh năm 1973 và bà: Phạm Thị L, sinh năm 1974; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 03. Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Triệu Thị Thu H, sinh năm 2001 (không đăng ký kết hôn) và có 01 con chung sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12(mười hai) tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- Bị hại: Cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/5/2007

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 và bà Dương Thị P, sinh năm 1982 (là bố, mẹ đẻ của cháu T). Ông Nguyễn Văn H ủy quyền cho bà Dương Thị P tham gia tố tụng.

Nơi cư trú: Xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý: Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thái Nguyên (Theo QĐ số 143/QĐ-TGPL ngày 09/04/2021 của Giám đốc TTTGPL tỉnh Thái Nguyên).

(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Phạm Thị N, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Xóm K, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 22/3/2021, Lê Văn T, sinh năm 2001, trú tại xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đi bộ một mình từ nhà ra đường liên xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để xin nhờ xe của người đi đường đến xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên chơi. T đi nhờ xe máy của một người phụ nữ không quen biết đến cầu B thuộc xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì xuống xe để đợi bắt xe đi tiếp. T đứng đợi ở đầu cầu xã B khoảng 15 phút thì gặp cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 5/5/2007, trú tại xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (tại thời điểm này T được 13 tuổi 10 tháng 18 ngày) đang đi xe đạp điện trên đường đến trường Trung học cơ sở xã B để dự lễ chúc mừng ngày 26/3. Khi gặp cháu T, T nhìn thấy trên cổ cháu T có đeo 01 (một) sợi dây chuyền màu bạc nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền này. T đã bảo cháu T cho đi nhờ xe thì cháu T đồng ý và dừng xe lại. T ngồi sau xe thì cháu T hỏi T “*đi đâu*”, T nói “*đưa anh lên trên kia một đoạn*”, T chỉ đường cho cháu T điều khiển xe đi đến khu vực đường đất thuộc xóm T, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. T quan sát xung quanh thấy khu vực vắng người qua lại nên bảo cháu T dừng xe lại, khi cháu T vừa dừng xe lại thì T xuống xe bước lên ngang người cháu T và dùng tay phải cầm vào sợi dây chuyền đang đeo trên cổ của cháu T giật mạnh làm sợi dây chuyền tuột ra rồi T

nhANH chóng chạy thẳng theo rìa đường đến khi khuất tầm nhìn thì T dừng lại đứt sợi dây chuyền vào túi áo. Sau đó, T tiếp tục đi bộ ra đường đi nhờ xe người đi đường đến tiệm vàng Ánh L của chị Phạm Thị N, sinh năm 1983, trú tại xóm K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên bán cho chị N sợi dây chuyền mà T vừa giật được của cháu T với số tiền là 250.000 đồng. Sau khi có tiền, T đã sử dụng số tiền đó để trả nợ.

Ngày 26/3/2021, chị Dương Thị P (là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Mạnh T) sau khi biết sự việc đã đến Công an xã B trình báo vụ việc và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

Ngày 29/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra Quyết định trưng cầu giám định gửi Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định 01 (một) sợi dây chuyền nêu trên theo quy định. Ngày 09/4/2021, Viện khoa học hình sự Bộ Công an có kết luận số 2425 nội dung sau: 01 (một) dây chuyền kim loại màu trắng bạc được chế tác dạng 01 (một) mắt xích hình chữ nhật nối với 05 (năm) mắt xích hình tròn cách đều nhau (ký hiệu A1) gửi giám định có tổng trọng lượng: 19,21 gam gồm: Các mắt xích hình tròn là bạc (Ag); hàm lượng trung bình Ag: 99,13%. Ngoài ra, còn đồng (Cu), kẽm (Zn), Cadimi (Cd); hàm lượng trung bình Cu: 0,71%, Zn: 0,03%, Cd: 0,13%; Các mắt xích hình chữ nhật và móc khóa đều là hợp kim của bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn), cadimi (Cd); hàm lượng trung bình bạc (Ag): 72,13%, Cu: 3,41%, Zn: 2,97%, Cd: 21,49%.

Ngày 05/5/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P ra yêu cầu định giá tài sản số 39, trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện P định giá 01 (một) dây chuyền kim loại bạc được chế tác dạng 01 (một) mắt xích hình chữ nhật nối với 05 (năm) mắt xích hình tròn cách đều nhau có tổng trọng lượng: 19,21 gam.

Ngày 11/5/2021, Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận như sau: 01 (một) dây chuyền kim loại bạc được chế tác dạng 01 (một) mắt xích hình chữ nhật nối với 05 (năm) mắt xích hình tròn cách đều nhau có tổng trọng lượng: 19,21 gam đã qua sử dụng là 600.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 100/CT-VKSPB ngày 02/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố Lê Văn T về tội: “Cướp giật tài sản”, theo điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng

trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lê Văn T từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Dương Thị P không yêu cầu bị cáo Lê Văn T phải bồi thường khoản tiền gì. Chị N không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 250.000đồng nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại 01 (một) dây chuyền kim loại bạc có trọng lượng 19,16gam đã qua sử dụng được niêm phong trong bì niêm ký hiệu số 2425/C09(P4) cho bị hại cháu Nguyễn Mạnh T để sử dụng.

Buộc bị cáo phải nộp lại 250.000đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Về tội danh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã truy tố bị cáo là đúng pháp luật, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T tội nhất trí. Hành vi của bị cáo cướp giật tài sản của trẻ em ngang nhiên giữa ban ngày làm hoang mang lo lắng cho nhân dân thể hiện sự coi thường pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị hại vẫn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Vào khoảng 13 giờ ngày 22/3/2021, tại khu vực đường đất thuộc xóm T, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Lê Văn T đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của cháu Nguyễn Mạnh T 01 (một) dây chuyền kim loại bạc có trọng lượng 19,16gam đã qua sử dụng, giá trị là: 600.000đ(Sáu trăm nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Lê Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội: "Cướp giật tài sản", theo điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 171 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân và quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tù có thời hạn và cách ly khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Thảo. Hội đồng xét xử xác định: Khung hình phạt mà bị cáo phải chịu trách nhiệm thuộc trường hợp là tội phạm rất nghiêm trọng. Bị cáo nhận thức rõ về tác động của tội phạm do mình gây ra sẽ xâm

phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương.

- Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 30/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12(mười hai) tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại bản án này xác định khi bị cáo phạm tội chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 thì được coi là không có án tích. Sau khi chấp hành hình phạt tù trở về gia đình và cộng đồng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội tỏ ra coi thường pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo phạm tội thành khẩn khai báo, phạm tội ra đầu thú, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung(phạt tiền) đối với bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì; chị Phạm Thị N là người đã mua 01 sợi dây chuyền bạc của bị cáo với giá 250.000 đồng nhưng không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có và chị N không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 250.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) dây chuyền kim loại bạc có trọng lượng 19,16gam đã qua sử dụng được niêm phong trong bì niêm ký hiệu số 2425/C09(P4) cần trả lại cho bị hại để quản lý, sử dụng.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[8] Bản luận cứ của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[9] Về tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra quyết định tạm giam bị cáo Lê Văn T với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự;

- Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 326 và Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt Lê Văn T **05** (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 3 năm 2021.

3. Ra quyết định tạm giam bị cáo Lê Văn T với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

4. Về xử lý vật chứng:

- Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp lại số tiền 250.000đ(Hai trăm năm mươi nghìn đồng) do phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị hại cháu Nguyễn Mạnh T 01 (một) dây chuyền kim loại bạc có trọng lượng 19,16gam đã qua sử dụng được niêm phong trong bì niêm ký hiệu số 2425/C09(P4).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Kho bạc Nhà nước huyện P).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CCTHA-DS huyện P;
- Bị cáo, BH, NĐDHP, NBVQLIHP, NLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung